

NGỌN LỬA QUẢNG ĐỨC

Tỳ Kheo Thích Trí Quang

Ban Biên Tập Khuông Việt :

Trong cuộc tranh đấu bảo vệ Phật Giáo năm 1963, nhiều sự kiện nổi bật, đã trở thành tiêu biểu cho cả phong trào. Trước tiên, đó là ngọn lửa Thích Quảng Đức đã bùng lên như một ánh đuốc dẫn đường cho cả đại khối quần chúng đứng lên đòi hỏi quyền tự do căn bản của mình, ngọn đuốc đã đánh tan màn vô minh đang che phủ cả miền Nam Việt Nam khi đó : chế độ độc tài vô nhân Ngô đình Diệm. Sự việc Hòa Thượng Trí Quang, người lãnh đạo phong trào đã trốn thoát mạng lưới công an, mật vụ trong đêm 21.8.1963 được ghi lại vô cùng sống động, giúp chúng ta hình dung lại những ngọn đòan quyết liệt mà chính quyền nhà Ngô đã dành cho phong trào Phật Giáo khi ấy . Khuông Việt vô cùng biết ơn Hòa Thượng Trí Quang đã vui lòng cho phép trích đăng lại nơi đây hai chương tiêu biểu cho cuộc tranh đấu thật bi tráng, thật hào hùng ấy - Ban Biên Tập xin được phép đề tựa là : « Ngọn lửa Quảng Đức » và « Từ Rạch Cát tới Tòa Đại Sứ ». Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

“Thân người khó được“, đó là lời dạy toàn bộ Phật giáo. Chỉ trong Phật giáo đại thừa mới nói đến sự tự thiêu. Nói ít nhưng trang trọng là Pháp Hoa. Đặc biệt Bồ tát giới Phạm Võng cấm đi và ở những nơi nguy hiểm, tai nạn, nhưng cũng nói đến sự tự thiêu. Cả hai xuất xứ trên đây đều nói tự thiêu là khổ hạnh. Khổ hạnh này xuất từ ý thức và tâm nguyện có hai đặc thái : xót xa Phật pháp điều đứng và xót thương quần chúng đau khổ. Khổ hạnh tự thiêu tuyệt đối phải là không phải tự sát. Khổ hạnh tự thiêu cũng không phải chỉ tự đốt thân thể, mà phụ thuộc việc này còn có những sự tự đốt một phần thân thể. Sự tự đốt một phần thân thể là vì muốn tự thử nghiệm nội lực, thử chịu khổ hạnh. Phía người ngoài thì không ai được yêu cầu hay khuyến khích sự tự thiêu, được chăng chỉ có sự không trở ngại mà thôi. Chỉ có vị thầy truyền thọ Bồ tát giới mới có thể có lúc nói đến sự tự thiêu một phần thân thể để xét nghiệm người xin thọ Bồ tát giới có thể hay không thể có cái chí nguyện dũng mãnh .

Không thể có thì vị Thầy phải đào luyện cho họ có thể có cái chí nguyện ấy mới truyền thọ Bồ tát giới. Tự thiêu một phần hay toàn thân thể, như vậy, là xuất từ nguyện lực, một trong những sức mạnh mà Phật giáo nói đến...

Nay nói về ngài Quảng Đức.

Chính trong những ngày quyết liệt nhất mà tôi nhận được thư của Ngài. Thư viết trên miếng giấy nhỏ, dĩ nhiên dễ dễ mang đi cho kín đáo. Thư do một ký giả người Việt làm cho một hãng thông tấn ngoại quốc cẩn trọng đưa tận tay tôi. Thư viết chữ nghiêm trang. Rằng đạo pháp trong cơn nguy khốn mà tôi tuổi già sức mọn, không làm gì được. Nên tôi xin học đức Dược Vương, nguyện thiêu thân mình để cầu cho đạo pháp trường tồn. Ngưỡng mong liệt vị trưởng thượng tôn túc từ bi hứa khả, và quyết định cho lúc nào thực hiện. Xét đây là việc trọng đại nên tôi không dám quyết định. Một cuộc họp được mở ra khẩn cấp, với sự hiện diện của ngài Hội chủ, các Thầy Trí Thủ, Thiện Siêu, Thiện Minh và tôi. Ai cũng xúc động nhưng không quyết định gì, chỉ giao cho tôi xét kỹ nên chấp nhận ý nguyện của Ngài hay không, chấp nhận thì nên thực hiện vào lúc nào, dĩ nhiên là ở Sài gòn. Được giao như vậy, nhưng tôi trang trọng cất giữ trong người bức thư của Ngài mà chưa quyết định gì, kể cả việc phúc đáp cho Ngài. Thế rồi trong lúc Từ Đàm bị bao vây dữ dằng thì tin ngài tự thiêu được ông Đăng mật báo liền cho tôi. Liên hôm sau ông Diệm mời Phật giáo thương thuyết. Sự tự thiêu của Ngài như vậy là cái mốc của giai đoạn mới trong cuộc Vận động 1963.

Trước đây tôi không quen biết với Ngài, chỉ gặp một lần khi Ngài trụ trì chùa Phước Hòa, biết Ngài chuyên tâm trì tụng và lễ bái Pháp Hoa. Giai đoạn trước khi Ngài tự thiêu tôi cũng chỉ biết mỗi một bức thư nói trên. Sau này mới biết, trước khi tự thiêu, Ngài chuẩn bị một cách chân thành, bình dị và kín đáo. Vẫn trì tụng lễ bái Pháp Hoa hằng ngày. Vẫn sinh hoạt bình thường. Tế nhị lắm mới thấy Ngài có vẻ như người sắp đi xa. Quan trọng nhất là di chúc của Ngài. Một vị tân tỳ kheo gần Ngài mà đến hôm Ngài sắp tự thiêu mới biết được ý nguyện và bản di chúc ấy.

Bản di chúc ấy bình dị, chân thành, quan trọng nhất là ý thức chứa đựng bên trong. Chính ý thức này chứa đựng tâm nguyện Bồ tát của Ngài. Không oán trách đến cả ông Diệm, ngài chỉ nói tự đốt thân mình để cầu cho ông sáng suốt...Ngoài di chúc, Ngài còn một tấm ảnh và một quả tim. Về tấm ảnh, một ký giả chụp được lúc ngọn lửa bùng lên gần khắp người Ngài rồi, còn lại chỉ có một bên vai, gần một nửa trên đầu, trán cũng đã có lửa, chỉ mặt còn nguyên. Chính trong lúc như vậy mà nét mặt Ngài hoàn toàn bình thản, siêu thoát, không một nét nhăn hay một chút rúng sức. Bức ảnh này được giải thưởng quốc tế. Lại nghe nói lửa bùng lên hoàn toàn mà Ngài vẫn an tọa. Cho đến lửa tắt, một tấm hình khác cho thấy Ngài ngồi như pho tượng đồng đen. Sau đó một lúc Ngài mới gật đầu xuống như thể cúi chào tăng ni Phật tử, rồi nhẹ nhàng bật ngựa người ra. Ngài tự thiêu mấy hôm rồi tôi mới vào Sài Gòn. Tình trạng khi Ngài tự thiêu, nghe nói cực kỳ bi tráng, cho đến nay vẫn là không tiền khoáng hậu.

Về đám tang của Ngài, tôi sẽ nói đến trong chương 30. Nay hãy nói đến sự kiện quan trọng nhất là quả tim của Ngài, "**quả tim Quảng Đức**". Việc hỏa thiêu nhục thân của Ngài là do thầy Thiện Hòa chủ trì. Thiêu rồi lấy ra, trong đồng tro tàn còn một khối thịt mà vị trí cho biết đó là quả tim. Thầy Thiện Hòa cho vào lò thiêu lại cũng vẫn không cháy. Lại thiêu nữa nhưng xăng hết. Bấy giờ rất đông ký giả hiện diện. Họ chạy kiếm xăng giúp. Bấy giờ chỉ họ mới đi lại được dễ dàng. Họ kiếm được mấy can xăng super, đem thiêu kỹ, nhưng lấy ra vẫn không cháy. Việc này làm cho tôi tin, xưa, ngài La Thập sau khi hỏa thiêu cái lưỡi vẫn còn. Nhưng ở đây mọi thắc mắc dị nghị hoàn toàn không có được nữa. Vì đây là việc mà trên dưới 50 ký giả, đa số là ký giả quốc tế, không những cũng chứng kiến mà còn dự vào.

Về quả tim này tôi vẫn nói đến vào gần cuối bản tự ghi này. Ở đây chỉ nói khi hỏa thiêu ngài rồi, tôi thảo để ngài Hội chủ ký một thông bạch. Cuối thông bạch ấy tôi viết "cầu nguyện vị nhục thân Bồ tát gia hộ cho cuộc vận động của Phật giáo được thành tựu". Và niệm. "Nam mô đại hùng đại lực Quảng Đức bồ tát" Hồng danh Bồ tát Quảng Đức khởi đầu từ đó. Hồng danh ấy, và Bồ tát Quảng Đức, cho đến nay chính những người duy vật cứng không thể không công nhận. Một trong những sự bắt diệt của cuộc vận động 1963 là sản xuất một vị Bồ tát.

Sự tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức ngay khi mới xảy ra đã làm cho ông Diệm rụng rời. Rồi mấy giờ sau, cả thế giới, nhất là ở Mỹ, ngọn lửa tự thiêu của Ngài rục lên trên máy truyền hình, đốt cháy tan tành hình ảnh ông Diệm và chế độ của ông. Ngọn lửa Quảng Đức chung đúc và làm sáng lên cái khí thế cao độ mà ông Diệm không còn giữ được gì về thái độ và chính sách của ông.

Dân tộc Việt Nam có lắm vĩ nhân. Nhưng Bồ tát Quảng Đức là vĩ nhân mà siêu nhân. (Trích Hồi Ký chưa xuất bản của Tỷ kheo Thích Trí Quang, bán riêng Mai Lan lệ Ấn)

Nguyên Tư Liệu : <http://www.khuongviet.net/PD63/Quangduc.htm>

Từ Rạch Cát tới Tòa Đại Sứ Tỷ kheo Thích Trí Quang

.....Quân đội vòng ngoài, cảnh sát lái xe tải chờ sẵn, rồi lực lượng đặc biệt có công an phụ lực, tấn công vào chùa lúc 11 giờ đêm. Đạn thật, đạn giả, lựu đạn cay, phi pháo, rồ lên loạn xạ. Dùi cui và búa được dùng để đập phá cửa ngõ của chùa, đánh vào đầu vào ngang lưng của tăng ni Phật tử. Chết chóc cũng có, bất tỉnh nhiều nhất, nhiều hơn nữa là lổ đầu, u trán, sưng mặt, vẹo người, què tay chân. Khói lựu đạn cay và thuốc súng xông lên, bám hay xém vào y áo tăng ni Phật tử mà sau đó mười ngày ở trong Rạch Cát vẫn còn nồng nặc. Các thầy Tâm Châu, Thiện Hoa, Hộ Giác, Đức Nghiệp, Giác Đức, Chánh Lạc, cụ Chánh Trí, đều bị còng tay điệu ra, tống lên xe tải hay xe nhỏ. Ngài Hội chủ, một bên trán mặt đỏ và sưng lên thấy rõ, cũng bị điệu ra, lên một xe riêng. Còn tăng ni Phật tử, Nam tông cũng như Bắc tông, thương tích máu me, y áo tơi tả, vừa bị đánh đập vừa bị lôi kéo, tống hết lên xe tải, đậu từ Xá Lợi ra đến đường Hiền Vương. Đồ đạc Xá Lợi thì trên từ tòa sen của Phật xuống đến bất cứ cái gì, chúng nghi và ghét là đập phá. Chúng lại tịch thu, ăn cắp. May mà trước đó quả tim của ngài Quảng Đức và những gì trong tủ kết đã được cụ Chánh Trí đưa gửi ngân hàng. Bản thảo một cuốn sách của tôi đang sửa chữa cũng được gửi theo.

Ngang đây tạm ngưng để nói đến hai vị Thánh, hai vị Bồ tát, đầu tiên trong giai đoạn thiết quân luật, là cháu Quách Thị Trang và ngài Quảng Hương.

Nguyên cảnh sát canh gác chúng tôi ở trại Rạch Cát có một số người Miên. Ngay hôm mới vào, họ đã bí mật liên lạc với chư tăng Nam tông chùa Changransey, cho biết khá nhiều tin tức và tình hình ở ngoài.

Tin tức họ cho có sự bị giết của cháu Quách Thị Trang và sự tự thiêu của ngài Thích Quảng Hương. Ngài thì tôi đã ghi rồi, ở trong chương 28. Còn cháu Quách Thị Trang là nữ sinh trung học đệ nhất cấp, đoàn Gia đình Phật tử Giác Minh.

Đêm hôm ông Diệm thiết quân luật thì ngay sáng hôm ấy cháu cùng một số Phật tử tức khắc trà trộn vào chợ Bến Thành, từ đó xông ra công trường trước chợ mà biểu tình. Cháu cầm biểu ngữ bằng tấm bảng, viết vội vàng "yêu cầu thả tăng ni Phật tử". Cháu xông lên trước, hô lớn "phản đối đàn áp Phật giáo", "đả đảo đánh phá chùa chiền", "đả đảo", "đả đảo"...Cháu vừa hô vừa khóc. Phật tử cùng biểu tình cũng hô cùng khóc. Quân chúng Phật tử trong chợ đổ ra, hô theo.

Nhân viên công lực bảy giờ tàn bạo hết nói. Chúng có cái quyền "tiền trạm" mà không cần "hậu tẩu"; Chúng đây là cảnh sát đồn Lê Văn Ken hay gì đó. Chúng bắn cháu chết tại chỗ, bắn ngay vào ngực của cháu. Rồi chúng bắn thật, bắn dọa, đánh đập hết cỡ, hành hung loạn xạ, vây bắt đem đi hết. Ở trong trại Rạch Cát ai nghe cũng ngậm ngùi, ứa nước mắt. Chỗ cháu bị bắn chết, sau này, học sinh sinh viên đặt tên là công trường Quách Thị Trang. Chợ Bến Thành được đổi gọi là chợ Quách Thị Trang. Một tượng bán thân của cháu được một sinh viên tự đắp lấy và dựng tại công trường này.

Quay lại kể tiếp. Riêng tôi, khi tấn công Xá Lợi, chúng dỡ họa đồ ra tìm đúng chỗ tôi là các tầng tháp Xá Lợi. Chỗ nằm, chỗ làm việc, chúng tìm không sai. Nhưng chúng không ngờ một tuần trước đó vì chịu không nổi mùi sơn viết biểu ngữ, tôi đã xuống hậu tẩm của chánh điện Xá Lợi. Ở đó sát vách với bộ phận tăng ni đánh máy quay ronéo. Nên tôi bị bắt với bộ phận ấy. Vì vậy mà chúng đã không tìm ra.

Lúc lên xe tải, cảnh sát lái và cảnh sát gác hỏi nhỏ có ông lớn nào thoát không? Chúng tôi không ai trả lời gì. Sau đó biết cảnh sát trên các xe khác cũng hỏi như vậy. Rồi cả đoàn xe chạy. Một hồi thì ngừng. Thì ra chiếc xe đi trước hết bị hỏng (sau này nghe nói là cố ý). Mà đường thì hẹp. Nhìn ra thấy đường nằm trên cánh đồng. Đường thấp, đồng có nước mà chắc là cạn. Các anh cảnh sát nói chuyện với chúng tôi, nói rất nhỏ, rằng ai muốn thì thoát đi. Nhưng không ai làm việc ấy cả.

Một hồi thì xe lại chạy. Đến một nơi mà sau đó biết tên là đồn Rạch Cát. Bảy giờ quăng 3,4 giờ sáng. Không mưa nhưng lạnh. Chúng tôi bị lừa vào hai dãy nhà. Tôi với một số chư tăng vào một nhà. Thì đã thấy có chư tăng ở trước đó. Mới biết Giác Minh, Ấn Quang, Già Lam, Huệ Nghiêm, Pháp Quang, Changransey cũng bị bắt cả rồi. Bên dãy nhà chư ni và Phật tử cũng là như vậy.

Tôi hơi mệt, nền nhà lạnh và dơ mà vẫn nằm. Thì có một tăng sĩ mà đến nay tôi vẫn chưa biết là ai, đến ngồi xếp bằng bảo tôi gối đầu lên vế của thầy mà ngủ. Quảng một giờ cả nhà hơi nhón nháo. Thì ra cụ Chánh Trí bị buộc đi theo hai cảnh sát ruồng trong các nhà. Vừa đi, cụ vừa nhìn vừa nói không có, không có. Khi đến tôi, chúng tôi nhìn nhau mà cụ càng nói không có, không có. Mới hay chúng dẫn cụ đi nhìn mặt để bắt tôi. Sau đó biết các lãnh đạo cấp cao và cấp kế đều bị bắt đi riêng cả. Ai chưa thì họ lũng trại Rạch Cát mà bắt.

Thế nhưng sót lại còn ngài Thiện Luật, tôi với thầy Huyền Quang, thầy Hộ Giác. Phần tôi, họ lũng không ra, lại nghi tị nạn ở tòa đại sứ nào rồi. Sau đó tin cho biết như vậy. Lại cho biết họ vẫn còn nghi, đã cho một thầy vốn học cùng Phật học viện với tôi, làm như bị bắt mà vào Rạch Cát dò xét. Quả có thầy ấy. Thầy giáp mặt tôi mà không nói gì, rồi cũng không thấy gì.

Nay hãy tiếp tục câu chuyện. khi họ lũng rồi, vị tăng sĩ trên nói với tôi, bây giờ gần sáng rồi. Khi thầy ngủ, chúng con đã bàn với nhau. Bây giờ xin thầy mặc y Nam tông (đã có một tăng sĩ Nam tông đợi đổi y áo với tôi). Rồi dời qua ở bên nhà của chư tăng Nam tông. Ở đó có cả chư tăng chùa Changransey, sẽ bảo hộ thầy. Ngoài ra chư tăng Già Lam được phân công theo dõi thầy mà giúp đỡ. Bốn phận con đến đây là hết. Tôi ngạc nhiên và cảm kích sự sắp đặt ấy, nên bây giờ nằm sát với ngài Thiện Luật, thầy Hộ Giác. Tăng ni hỏi ý kiến gì thì tôi bàn với hai vị này mà chỉ bày.

Ở đây nói trước về tăng ni Phật tử trẻ đã. Suốt cuộc vận động 1963 của Phật giáo, không một ai bị bắt trước hay sau thiết quân luật mà để cho đối phương khinh thường. Tăng ni Phật tử lớn tuổi đã đành là như thế. Tăng ni Phật tử trẻ càng là như thế. Họ thật khôn ngoan, trung hậu, và rất anh hùng. Họ tin tưởng và bảo vệ lãnh đạo đến tận cùng. Chính những ngày ở Rạch Cát với họ mà tôi thấy rõ và tin tưởng họ hơn lên. Nội việc trên dưới 500 người ở chung mà tin tức về tôi không bị lộ ra, đã là cả một vấn đề. Sau CM 1/11, tin tức nghe được từ mọi phía, tại Sài Gòn cũng như tại các tỉnh, không ai mà không thán phục tăng ni Phật tử trẻ mà càng cường. Không ai gặp một tăng ni Phật tử trẻ nào bị tra tấn mà khuất phục,

phản bội. Cũng không ai mà không công nhận rằng, trong tình trạng giới nghiêm, tăng ni Phật tử trẻ đã gây ra bao nhiêu là xúc động, cảm phục, tích cực hoạt động theo. Lại tiếp tục câu chuyện.

Ở trại Rạch Cát, sau một ngày bị bắt, thầy Nhật Thiện (vốn đồng sư và đồng châu với tôi) và thầy Hành Tuệ (sau chết trong chuồng cọp ở Côn đảo) bàn nhau cùng ở sát tôi, dờn ở một nơi nhỏ hơn. Họ lo cho tôi hết sức hết lòng. Trong thì gian này họ bắt khai lý lịch, lăn tay, chụp ảnh; Đến lượt tôi, thầy Nhật Thiện kéo một tăng sĩ Nam tông nữa cùng đi với tôi. Đến bàn làm việc họ cùng ngược lên nhìn rồi cùng cúi xuống cả. Rõ ràng có cái gì đó. Nên lời khai thì tôi đọc, hình thì thầy Nhật Thiện chụp, dấu tay thì tăng sĩ kia lăn. Họ làm việc mà không hỏi hay nhìn kỹ đối phương là ai. Thầy Nhật Thiện nói phiếu lý lịch này không dùng được vào việc gì cả. Ni sư Huệ Nghiêm qua thăm, tôi dặn kỹ công việc khi được phóng thích. Rồi viết một bài gọi là Thiên của ngài Qui Sơn, bằng cách nhớ và dịch giải bài minh trong văn Cảnh sách của ngài.

Thì gian này thầy Nhật Thiện và ni sư Huệ Nghiêm bàn riêng với nhau, sắp đặt cho tôi thoát ra. Họ liên lạc được với một cảnh sát vốn là công chức bị bắt mặc đồ cảnh sát vào gác ban đêm. Người này chịu, hẹn tối hôm đó mang thêm một bộ đồ cảnh sát vào cho tôi thay để sáng sớm hôm sau đèo xe người ấy chở ra. Nhưng gần trưa hôm sau đã được phóng thích. Việc phóng thích cũng ngỡ ngàng.

Nguyên trước đó thầy Thiện Hoà vào thăm cả trại, có xuống thăm riêng tôi, nói sẽ được phóng thích thì thầy đưa về Ấn Quang. Nhưng khi phóng thích thì cả thầy ấy và thầy Nhật Minh cho người xuống nói với tôi, rằng họ biết đích xác có tôi ở đây rồi. Xin thầy tự liệu.

Tôi chẳng liệu gì cả. Cũng không phiền gì. Nguyên lãnh đạo Phật giáo có đem việc bị bắt ra bàn, rằng ai ở ngoài được thì nên ở. Nhưng chẳng ai chịu cả. Đến nay tôi cũng chẳng thiết gì lắm được phóng thích ra. Chúng tôi ý thức bị bắt, hơn nữa bị giết, thì rất có tác dụng. Nên bấy giờ tôi vẫn thản nhiên. Nhưng một tăng sĩ Nam tông, người Huế, miệng nói tay đây, thúc tôi đi ra với nhóm chư tăng Pháp Quang.

Khi điểm danh, đúng lúc thầy Hộ Giác bị bắt xuống xe tải thì tôi lên xe tải ấy, trước cái nhìn của ngài Thiện Luật. Ngài thản nhiên. Nhưng ai cũng biết ngài vừa thương vừa mừng. Chư ni đứng chờ, mừng lộ quá, thấy là biết liền, không hiểu tại sao chẳng xảy ra chuyện gì.

Về Pháp Quang thì tôi đi tắm giặt, thầy Nhật Thiện xuống Xá Lợi, chạy về với ni sư Huệ Nghiêm, cùng báo tin họ biết tôi không ra với chư tăng Changransey thì với chư tăng Pháp Quang. Họ sắp đến đây. Quả nhiên, trời mưa như trút nước mà nhìn thấy họ đã bao vây bốn phía Pháp Quang, súng đã chĩa vào qua hàng rào.

Cùng lúc, bộ phận chỉ huy vào thưa với ngài Thiện Luật bảo chư tăng ra cho họ kiểm tra, "kèo thiếu ai thì họ bị trách nhiệm". ngài giăng co, từ chối, hẹn sáng mai, nói hôm nay mới về, chư tăng có người thưa tôi đi ra ngoài không ít. Họ không chịu. Đúng lúc ấy, với ý nghĩ vừa phát sinh, tôi bảo thầy Nhật Thiện và thầy Nhâm đi với tôi, xuống thưa ngài Thiện Luật, ngay trước mặt họ rằng chúng con đã viết thư ngài bảo (mà thật ra tôi mới viết vội vàng). Xin ngài ký cho để chúng con đưa về Thầy Thiện Hòa. Thư có nội dung cảm ơn việc được phóng thích mà chúng tôi qui công cho thầy ấy. Biết ý, ngài bảo đọc, rồi ký, lại nói trời sắp tối rồi, các thầy đi mau mà về. Đi bây giờ để tỏ lòng chân thành.

Chúng tôi vâng dạ rồi đội mưa mà đi. Thì trước sân chùa, gần ngoài ngõ, đã có hai chiếc taxi đậu ở đó, không bình thường. Xe sơn vành đỏ, có nghĩa tài xế có thể bắt về tổng nha công an. Nhưng tôi vẫn đi một trong hai chiếc xe ấy, bụng nghĩ mọi việc ở chính cái anh chàng tài xế công an này. Thật ra hai thầy vẫn nghĩ tôi đi Ấn Quang, nhưng biết rằng cần yên lặng để tôi liệu.

Xe ra đến đường lớn, tôi nói với hai thầy, kỳ hạn xuất gia của tôi quá hơn một tháng rồi. Chuyến này tôi sẽ xin sư cụ trở về, lập gia đình. hiểu ý, hai thầy nói anh em tôi cũng vậy. Anh tài xế bèn lên tiếng, vậy ra các ông không muốn tu nữa ? Tôi cất nghĩa cái lệ xuất gia có kỳ hạn của Phật giáo Nam tông là thế nào: ai muốn tu một thì gian để kiếm phước và tập tánh tốt thôi, thì có thể xuất gia từ một tháng cho đến vài ba năm, tùy ý, sau đó về nhà như thường. Ở các xứ Miên, Lào còn được mền trọng hơn lên.

Tài	xế	hỏi,	các	ông	vừa	rồi	có	bị	bắt	không	?
Tôi	nói	bị	bắt	mới	được	thả	ra	trưa	trưa	trưa	trưa
Tại		sao		bị		bắt					?

thượng hứng gió chiều tối. nhìn xuống thấy quần chúng bên kia đường Hàm Nghi có vẻ nhận ra tôi và vui mừng. Thế là không bao giờ tôi lên nữa. Tôi nói với người Mỹ, rằng không muốn một ai nghĩ tôi ỷ vào các ông nên không e ngại gì cả. (*Trích Hồi Ký chưa xuất bản của Tỷ kheo Thích Trí Quang, bản riêng Mai Lan lệ Ấn*)